TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08**/2019/KDTM-ST
Ngày: 22/02/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Hân Hoan.

Bà Trần Thị Lệ.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa***: Ông Trương Minh Diền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2017/TLST-KDTM, ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2018/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Địa chỉ: Số 266-268, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật Ông Nguyễn Đức Thạch Diễm – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh Hùng – Phó phòng phụ trách phòng giao dịch Thạnh Phú, Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: Số 08 quốc lộ 1, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: 1/ Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

2/ Bà Phạm Hồng T, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm M, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lê Thanh Th, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp LT, xã TL, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Ông Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PN, xã MP, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Mạnh H trình bày: Vào ngày 18 tháng 01 năm 2012, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) chi nhánh Sóc Trăng - Phòng giao dịch Thạnh Phú có ký với ông Trần Ngọc Đ và bà Phạm Hồng T hợp đồng tín dụng số LD 1201800266. Theo hợp đồng phía Ngân hàng có cho ông Đ, bà T vay số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu chục triệu đồng) với các điều kiện thỏa thuận như sau: Thời hạn vay 36 tháng. Mục đích vay: Mua xe tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Phương thức trả nợ vốn gốc trả cố định hàng tháng, lãi trả theo dư nợ giảm dần. Lãi suất là 1,85%/tháng. Thời hạn trả hết nợ là ngày 18/01/2015. Trong quá trình giao dịch thì ông Đ, bà T đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 20/6/2014, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cố gắng thương lượng nhưng khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Khi vay thì ông Đ, bà T đã thế chấp tài sản của mình cho Ngân hàng là chiếc xe tải nhỏ, biển kiểm soát 83C-006.30, nhãn hiệu FORCIA; màu sơn: Xanh. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại TPHCM. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà T trả cho Ngân hàng số tiền 130.306.899 (Trong đó vốn gốc 35.568.000đ; lãi trong hạn 3.117.586 đồng; lãi quá hạn 91.621.313 đồng), tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/02/2019. Trong trường hợp ông Đ, bà T không trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi tài sản thế chấp của bên vay để trả nợ Ngân hàng.

- Bị đơn ông Trần Ngọc Đ và bà Phạm Hồng T không có ý kiến gì trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa: Thẩm phán thụ lý vụ án xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1201800266, ngày 18/01/2012, thì Ngân hàng Sacombank, Phòng giao dịch Thạnh Phú đã giải ngân cho ông Trần Ngọc Đ, bà Phạm Hồng T để vay số tiền 160.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, nhưng trong quá trình thực hiên hợp đồng ông Đ, bà T vi phạm nghiêm trọng hợp đồng đã ký kết nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Sacombank buộc ông Đ, bà T trả cho Ngân hàng số tiền 130.306.899 (Trong đó vốn

gốc 35.568.000đ; lãi trong hạn 3.117.586 đồng; lãi quá hạn 91.621.313 đồng). Trong trường hợp ông Đ, bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng số số LD1201800266.1 ngày 18/01/2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi tòa án thụ lý vụ án có tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho ông Trần Ngọc Đ và bà Phạm Hồng T theo đúng địa chỉ ghi trên hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay ông Đ, bà T đã không còn ở địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định. Ông Đ, bà T cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Th, ông Nguyễn Văn Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đ, bà T cùng ông Th, ông Gi.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định: Ngày 18/01/2012, ông Trần Ngọc Đ cùng vợ bà Phạm Hồng T có ký hợp đồng tín dụng số LD 1201800266 với Ngân hàng Sacombank, Phòng giao dịch Thạnh Phú để vay số tiền 160.000.000 đồng, Thời hạn vay 36 tháng. Mục đích vay: Mua xe tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Phương thức trả nợ vốn gốc trả cố định hàng tháng, lãi trả theo dư nợ giảm dần. Lãi suất là 1,85%/tháng. Thời hạn trả hết nợ là ngày 18/01/2015 và Ngân hàng đã giải Ngân số tiền trên cho ông Đ, bà T. Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Đ, bà T có ký hợp đồng thế chấp động sản số LD1201800266.1 ngày 18/01/2012, tài sản thế chấp là chiếc xe tải nhỏ, biển kiểm soát 83C-006.30, nhãn hiệu FORCIA; màu sơn: Xanh do ông Trần Ngọc Đ đứng tên Chủ sở hữu. Trong quá trình vay thì ông Đ, bà T đã trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng ký kết đến ngày 20/6/2014 thì ông Đ, Bà T đã vi phạm hợp đồng làm phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông Đ, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 130.306.899 đồng (Trong đó vốn gốc 35.568.000đ; lãi trong hạn 3.117.586 đồng; lãi quá hạn 91.621.313 đồng).

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Sacombank, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số LD 1201800266, ngày 18/01/2012 giữa Ngân hàng với ông Trần Ngọc Đ và bà Phạm Hồng T xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện. Xét thấy, ông Đ, bà T thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông Đ, bà T

là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T trả nợ và đề nghị xử lý tài sản thế chấp là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Tại Tòa, ông Lê Mạnh H là người đại diện cho nguyên đơn yêu cầu ông Đ, bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 130.306.899 đồng tính đến ngày 22/02/2019 và lãi phát sinh từ ngày 23/02/2019 trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả tất số nợ gốc. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1, Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi 130.306.899 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 290, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho số tiền vay thì ông Đ, bà T đã ký hợp đồng thế chấp động sản số LD1201800266.1 ngày 18/01/2012, với Ngân hàng. Tài sản thế chấp là chiếc xe tải nhỏ, biển kiểm soát 83C-006.30, nhãn hiệu FORCIA; màu sơn: Xanh do ông Trần Ngọc Đ đứng tên Chủ sở hữu. Tuy nhiên hiện nay, chiếc xe tải này đã được ông Đ bán cho ông Nguyễn Văn Gi vào ngày 27/12/2014, sau đó ông Gi bán lại cho ông Lê Thanh Th vào ngày 30/8/2015 và ông Th đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô vào ngày 03/9/2015. Xét thấy, khi ông Đ bán chiếc xe này cho ông Gi, ông Gi bán lại cho ông Th thì chiếc xe này đang thế chấp giấy chứng nhận đăng ký cho Ngân hàng, việc mua bán của các bên không có sự đồng ý của Ngân hàng là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, không ai yêu cầu xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng mua bán trên nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Về phía ngân hàng khi thế chấp tài sản phía Ngân hàng có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông Đ, bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Trần Ngọc Đ và bà Phạm Hồng T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 290; khoản 4 Điều 348; Điều 471; Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Trần Ngọc Đ và bà Phạm Hồng T cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 130.306.899 đồng (Một trăm ba chục triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, tám trăm chín mươi chín đồng). Trong đó vốn gốc 35.568.000đ; lãi trong hạn 3.117.586 đồng; lãi quá hạn 91.621.313 đồng.

Kể từ ngày 23/02/2019 cho đến khi ông Trần Ngọc Đ và bà Phạm Hồng T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, thì hàng tháng ông Đ, bà T còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD 1201800266, ngày 18/01/2012. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đến khi bản án đã có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Trần Ngọc Đ và bà Phạm Hồng T phải tự nguyện trả đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng. Trường hợp ông Đ, bà T không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm xử lý, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp động sản số LD1201800266.1 ngày 18/01/2012, tài sản thế chấp là chiếc xe tải nhỏ, biển kiểm soát 83C-006.30, nhãn hiệu FORCIA; màu sơn: Xanh hiện nay do ông Lê Thanh Th đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trong quá trình phát mãi tài sản

thế chấp nếu có phát sinh tranh chấp đối với tài sản thế chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

2/ Về án phí: Ông Trần Ngọc Đ và bà Phạm Hồng T phải chịu số tiền 6.515.344đ (Sáu triệu, năm trăm mười làm nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng). Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.806.500 đồng (Một triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0007954, ngày 05/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn

***- Nơi nhận*:**
-VKSND thị xã Ngã Năm;
-T.H.A dân sự TX Ngã Năm;
-TAND tỉnh ST;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.